

Bản án số: **127/2017/HSST**,
Ngày: 12/12/2017.

Vụ án: Nguyễn Thanh T,
phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nam Hải,

Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Nữa,

2. Ông Phạm Văn Phồ.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hùng, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đinh Quốc Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 152/2017/HSST ngày 08 tháng 11 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2017/HSST-QĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017, đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh T, sinh ngày: X, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: L, Phường H, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: L, Phường H, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; dân tộc: Kinh; tôn giáo: /; quốc tịch: Việt Nam, số chứng minh nhân dân: /, ngày cấp: /, nơi cấp: /; nghề nghiệp: /; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; con ông Nguyễn Văn T (chết), và bà Bùi Thị Bạch T, sinh năm Y; bị cáo chưa có vợ; Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày: 06/9/2017 (có mặt).

* *Người bị hại:* Chị Nguyễn Hoàng Duy L, sinh năm A địa chỉ: K, Phường B, Quận T Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Nguyễn Thị Mai H, sinh năm C; địa chỉ: K, Phường B, Quận T Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Anh Đặng Hoàng Th, sinh năm D; địa chỉ: L, Phường H, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Nguyễn Thanh T bị Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Buổi tối ngày 18 tháng 6 năm 2017, chị Nguyễn Hoàng Duy L điều khiển chiếc xe mô tô Honda Wave RS màu đỏ - trắng - đen, biển số 59N1 - 039.xx (chị L mượn xe này của mẹ là bà Nguyễn Thị Mai H), đến chơi và ngủ tại nhà bạn trai là anh Đặng Hoàng Th, số L, Phường H, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị L để chiếc xe mô tô trong nhà, không khóa cổ xe.

Đến khoảng 12 giờ ngày 19/6/2017, bị cáo Nguyễn Thanh T (là anh họ của anh Đặng Hoàng Th) thấy xe mô tô của chị L không khóa cổ, cửa nhà không khóa và không có ai ở dưới nhà nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt.

Bị cáo dắt bộ xe ra khỏi nhà và đến tiệm game T số H, Phường B, Quận S, cầm cho một người đàn ông (không rõ lai lịch) với giá 4.000.000 đồng, tiêu xài hết rồi bỏ trốn.

Sau khi phát hiện bị mất xe, chị Nguyễn Hoàng Duy L và anh Đặng Hoàng Th kiểm tra camera, xác định bị cáo đã lấy trộm xe nên trình báo cơ quan Công an. Đến ngày 06/9/2017 bị cáo bị bắt giữ. Chiếc xe mô tô không thu hồi được.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 1153/TCKH ngày 30/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 6, kết luận: “chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave RS màu đỏ - trắng - đen, dung tích xi lanh 109 (xe sản xuất, lắp ráp trong nước) biển số 59N1 - 039.xx, số khung: BY-500141, số máy: 43^E-0871264, tình trạng xe còn khoảng 70%, có giá là 10.000.000 đồng”.

Người bị hại chị Nguyễn Hoàng Duy L yêu cầu bị cáo bồi thường 6.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 122/CTr-VKS ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T, về tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, theo quy định khoản 1 Điều 138; điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T mức án từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù; buộc bị cáo bồi thường cho chị Nguyễn Hoàng Duy L số tiền 6.000.000 đồng; trả lại cho anh Đặng Hoàng Th chiếc USB màu xanh; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, vì bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và các quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử xét:

Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản về việc bắt người và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: do cần tiền để tiêu xài nên bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Hoàng Duy L, bị cáo là người thực hành, là người trực tiếp trộm cắp tài sản của chị L là chiếc xe mô tô Honda Wave RS màu đỏ - trắng - đen, biển số 59N1 – 039.xx.

Bị cáo có đủ khả năng nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi của bị cáo thực hiện, nhưng do bản chất không chịu lao động lương thiện, mong muốn sống bằng việc chiếm đoạt tài sản của người khác, thể hiện ý thức xem thường pháp luật về hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận thống nhất, phù hợp lời khai của người bị hại chị Nguyễn Hoàng Duy L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Hoàng Th, bà Nguyễn Thị Mai H, kết quả định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác Cơ quan điều tra đã thu thập được, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận, hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội “trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự công cộng, làm mất trật tự an toàn xã hội.

Về tình tiết định khung hình phạt: giá trị tài sản do bị cáo chiếm đoạt có giá trị 10.000.000 đồng, do vậy hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp định khung quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: trường hợp phạm tội của bị cáo không thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999 sửa

đổi, bổ sung năm 2009, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Xử lý vật chứng: trả lại cho anh Đặng Hoàng Th một USB màu xanh có ghi chữ “DT101 G2”.

Tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2009, quy định áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng; Hội đồng xét xử xét bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: người bị hại chị Nguyễn Hoàng Duy L yêu cầu bị cáo bồi thường 6.000.000 đồng, tại phiên tòa chị L vắng mặt, bị cáo đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo bồi thường cho chị L số tiền này.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 138, khoản 3 Điều 8, Điều 33, điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009;

điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13;

Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh T** 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 06 tháng 9 năm 2017.

Tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, khoản 1 Điều 589, Điều 446, Điều 468, Điều 668 Bộ luật dân sự năm 2015; Luật thi hành án dân sự:

+ Xử lý vật chứng: trả lại cho anh Đặng Hoàng Th một USB màu xanh có ghi chữ “DT101 G2” (Vật chứng theo Phiếu nhập kho số 109/PNK ngày 05/7/2017 của Công an Quận 6).

+ Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T bồi thường cho chị Nguyễn Hoàng Duy L, tổng cộng số tiền là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

Kể từ ngày chị Nguyễn Hoàng Duy L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Nguyễn Thanh T chậm trả số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) nêu trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm (Mười phần trăm/một năm), trên số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

- Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; tiểu mục I.1 và tiểu mục II.1.3.a Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

Bị cáo Nguyễn Thanh T phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003:

Bị cáo Nguyễn Thanh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Công an Quận 6;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 6;
- Sở tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo (để thi hành);
- Trại tạm giam Công an Quận 6;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nam Hải